

Số: 01/2022/QĐST-DS

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST-DS ngày 03/12/2021.

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là tự nguyện; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai N, sinh ngày 07/3/1994; số hộ chiếu C1273021; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện cư trú tại: 28 Avenue des Chênes 33510 Andernos- Les- Bains, Pháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị C; sinh ngày 16/8/1972; CMND số 183254032; địa chỉ: Số nhà 0, ngách 0, ngõ 4, đường L, phường T, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 06/9/2021).

3. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C; sinh ngày 19/10/1976; CMND số 183466199; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị Phương Liễu, sinh ngày 16/12/2000; Địa chỉ: 473-0923 Nagaike 6-1, Toyota-shi, Aichi-ken, Nhật bản.

Người được chỉ định ủy quyền bà: Bà Phan Thị C; địa chỉ: Số nhà 02A, ngách 20, ngõ 84, đường L, phường T, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy ủy quyền ngày 06/9/2021).

- Ông Trần Huy T, sinh năm 1930; CMND số 184144298 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1930; CMND số 184179268.

- Anh Nguyễn Huy A; sinh ngày 29/6/1998; CMND số 184364168.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T, anh A: Bà Nguyễn Thị C (Theo các giấy ủy quyền ngày 13/12/2021 và ngày 21/3/2022).

- Cháu Trần Huyền D, sinh ngày 26/5/2013 (người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị C).

Đều cư trú tại: Tổ 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với số tiền Bảo hiểm tử tuất 330.964.436đ mà Bảo hiểm xã hội huyện H đã chi trả cho thân nhân của ông Trần Trọng B (theo Quyết định số 00000035055/QĐ-BHXH).

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với các tài sản là động sản gồm: 01 tủ quần áo, 01 bàn ghế ăn, hai cái giường, 01 bộ bàn ghế phòng khách, 01 cái phản, 01 xe máy Honda Lead BKS 38U-13366; 01 xe máy Honda dream BKS 39H1-270.14; 01 tủ lạnh; 01 ti vi, kệ ti vi, bàn vi tính, quạt điều khiển; 02 điều hòa và 04 quạt treo tường (theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/12/2021).

2.3. Phân chia di sản thừa kế của ông Trần Trọng B để lại như sau:

- Di sản thừa kế của ông Trần Trọng B để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 46, địa chỉ: Thôn 1, xã Cẩm Huy (nay là tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BY265595 vào ngày 15/7/2015 mang tên Trần Trọng B và Nguyễn Thị C được chia đều cho 7 suất thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị C, chị Trần Thị Mai N, chị Trần Thị Phương L; cháu Trần Huyền D, ông Trần Huy T; bà Hoàng Thị T và anh Lê Huy A. Mỗi suất thừa kế được hưởng tính thành tiền là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

- Giao cho chị Nguyễn Thị C được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ di sản ông Trần Trọng B để lại gồm $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 46, địa chỉ: Thôn 1, xã C (nay là tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BY265595 vào ngày 15/7/2015 mang tên Trần Trọng B và Nguyễn Thị C nhưng chị C phải giao lại cho các đồng thừa kế số tiền tương ứng với suất thừa kế họ được chia là 190.000.000đ/1 suất thừa kế.

Chị C có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất và tài sản gắn liền với đất.

3. Về lệ phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, bà Phan Thị Cảnh phải chịu 150.000đ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm (bà đã nộp 8.000.000đ tại biên lai số 0000061 ngày 22/11/2021, nay được nhận lại 7.850.000đ).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hà Ngân